

Bản án số:43/ 2019/HSST
Ngày: 31/05/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S TRÀ-TP. ĐÀ NẴNG**

- Thà phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Nhung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đích
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà– Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Thái Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2019/HSST ngày 03 tháng 05 năm 2019 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN V. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 06.02.1990. Tại: Kiên Giang; HKTT: 1148 Mạc C, phường Vĩnh Q, Thà phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở: 215/12A đường Lưu Chí H, phường , Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ học vấn: 10/12; Tiền án, tiền sự: Không; Cha: Trần Út H (SN: 1970); Mẹ: Nguyễn Thị H (SN: 1969); Có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thu V (SN: 1995); Có 01 con sinh năm 2012;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 12 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2018, bị cáo được thay đổi áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt.

NGUYỄN NGỌC T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 30.6.1988. Tại: TP Hồ Chí Minh; HKTT: 163 Cù lao Nguyễn K, phường , quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 105.120/15 Lê L, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: phật giáo; Nghề nghiệp : LĐPT; Trình độ học vấn: 3/12; Tiền án, tiền sự: Không; Cha: Nguyễn Ngọc Đ (SN: 1968); Mẹ: Lê Thị Hoàng A (SN: 1969). Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con đầu; Vợ: Phạm Thị D (SN: 1989) chưa đăng ký kết hôn, chưa có con.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 12 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2018, bị cáo được thay đổi áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt.

Có mặt.

* Người bị hại:

1. Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1948. Trú tại: 204 Nguyễn An N, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.(Vắng mặt có đơn)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Huy T, sinh năm 1984. Trú tại: Ấp Tân T, xã Tân L, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thu V, sinh năm 1995. Trú tại: đường 30/4, phường M, Thành phố Vũng Tàu. (Vắng mặt)

3. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1976. Trú tại: xã Trà Ô, huyện Phú T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

4. Ông S T, sinh năm 1988. Trú tại: Ấp Thị Trần A, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1987. Trú tại: Ấp Thạch Hòa B, xã An T, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

6. Ông Lê Hữu T, sinh năm 1987. Trú tại: An Châu, huyện Châu T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971. Trú tại: 634/8A2 đường Trần P, phường 6, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

8. Bà Đỗ Thị Kim H, sinh năm 1972. Trú tại: 64/5 Quốc lộ 22, Đồng L, Bà Diêm, Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

9. Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1978. Trú tại: 1007/11C2 đường 30/4, phường , Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

10. Ông Trần Thế T, sinh năm 1986. Trú tại: Ấp Tân Điền, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đ, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

11. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968. Trú tại: 53 Ngô Đức K, phường 7, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết được lao động đi làm nghề biển tại Thành phố Vũng Tàu rất khan hiếm, mỗi lao động trước khi xuống tàu làm việc được chủ tàu cho ứng trước 15.000.000 đồng, tương ứng với khoảng 2,5 – 3 tháng lao động đi biển, nên TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên. Giữa V và T đã có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể: V tìm người lao động, yêu cầu người lao động viết đơn tự nguyện đi biển, viết lý lịch thuyền viên, sau đó gọi cho T, T tìm chủ tàu có nhu cầu tuyển lao động, dẫn người lao động xuống tàu và giả vờ làm người đại diện cho người lao động đến gặp chủ tàu để nhận tiền. Sau khi nhận

được tiền T lấy 3.000.000đ, số tiền còn lại giao cho V. T và V giấu không cho những người lao động biết về số tiền chủ tàu cho họ ứng trước. Để kiếm được người lao động, V chủ động làm quen với đối tượng tên H (*không rõ nhân thân, hành nghề xe ôm tại bến xe An Suong, Thành phố Hồ Chí Minh, thường chở người lao động đi biển xuống Thành phố Vũng Tàu*), V thỏa thuận với H cứ mỗi người lao động H chở xuống Thành phố Vũng Tàu giao cho V, V trả cho H 3.000.000đ. H giả vờ đưa ra thông tin có chỗ làm việc lương cao từ 9.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng để lừa những người lao động đang tìm việc làm, khi người lao động đồng ý đi làm việc thì H chở xuống Vũng Tàu giao cho V.

Ngày 10.11.2017, H chở anh Nguyễn Văn Huy T (SN: 1984, trú *Ấp Tân T, xã Tân L, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang*) từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống Vũng Tàu gọi điện cho V, do V công việc nên V đã nhờ Nguyễn Thu V (SN: 1995, trú: *đường 30/4, phường M, Thành phố Vũng Tàu*) nhận người. V đưa cho T số tiền 3.000.000đ để T trả cho H. Sau đó, V chở T về nhà V (*Đ/c: 215/12A đường Lưu Chí H, phường, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*). Tại đây, V bảo T viết giấy nợ số tiền 3.000.000đ, lý lịch thuyền viên và đơn tự nguyện đi biển, sau đó T ăn uống, sinh hoạt cùng với vợ chồng V đợi tàu đi biển.

Ngày 13.11.2017, H chở anh Phạm Văn C (SN: 1976, trú *xã Trà Ô, huyện Phú T, tỉnh Vĩnh Long*) từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống Vũng Tàu giao cho V. V đưa cho C số tiền 3.000.000đ để C trả cho H. Sau đó, V bảo C viết giấy nợ số tiền 3.000.000đ, lý lịch thuyền viên và đơn tự nguyện đi biển, nhưng do C không biết chữ nên V viết hộ và C ký tên. Sau đó C ăn uống, sinh hoạt cùng với vợ chồng V đợi tàu đi biển.

Đối với trường hợp của anh S T (SN: 1988, trú: *Ấp Thị Trấn A, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu*): Thấy nhiều người làm nghề môi giới lao động đi biển tại khu vực cảng Cát Lở, Thành phố Vũng Tàu, Nguyễn Thị Thúy H (SN:1987; trú: *Ấp Thạch Hòa B, xã An T, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương*) - *chị dâu của vợ V*, cũng liên hệ với H để tìm người lao động đi biển. Khoảng đầu tháng 11.2017, H chở anh T từ Thành phố Hồ Chí Minh xuống Vũng Tàu giao cho H. H lấy 3.500.000đ đưa cho T để trả tiền xe ôm cho H. T lấy 3.000.000đ trả cho H còn giữ lại 500.000đ. Sau đó, H bảo T viết giấy nợ 3.500.000đ, giấy tự nguyện đi biển và ký vào bản lý lịch thuyền viên. Do ở gần nhà, vô tình H biết được V đang kiếm tàu cho người lao động đi biển nên H nhờ V tìm hộ tàu đi biển cho T thì V đồng ý.

Sau đó, V liên hệ với T báo có 03 lao động đi biển để T kiếm tàu.

Đối với trường hợp của anh Lê Hữu T (SN: 1987, trú *An Châu, huyện Châu T, tỉnh An Giang*): Khoảng tháng 10.2017, Nguyễn Văn H (SN: 1971, trú : *634/8A2 đường Trần P, phường 6, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*) đến T T giới thiệu việc làm Kim H (*Đ/c: 64/5 Quốc lộ 22, Đồng L, Bà Điểm, Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh*) do bà Đỗ Thị Kim H (SN: 1972, trú : *64/5 Quốc lộ 22, Đồng L, Bà Điểm, Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh*) làm chủ đặt vấn đề với bà H khi nào có lao động đi biển thì dẫn xuống Thành phố Vũng Tàu giao cho H. Đầu tháng 11.2017, Thà đến T T giới thiệu việc làm của bà H nhờ giới thiệu việc làm. Bà H chở Thà xuống Thành phố Vũng Tàu giao cho H. H đưa cho Thà 2.000.000đ, Thà đưa tiền cho H. Sau đó, H bảo Thà viết giấy nợ 2.000.000đ, giấy tự nguyện đi biển, ký vào bản lý lịch thuyền viên. Thà ở nhà H đợi có tàu đi biển. Do H không biết ai để gửi

Thà đi biển, nên H có hỏi chị Phạm Thị Kim N (SN: 1978, trú: 1007/11C2 đường 30/4, phường , TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) thì Ng nói T có đưa người đi biển (trước đó, khi nhậu tại quán của Ng thì T có nói cho Ng biết đang làm nghề cò ghe), do không quen T nên H nhờ Ng gửi Thà đi biển giùm. Sau đó, Ng liên lạc với T để T tìm tàu đưa Thà đi biển thì T đồng ý.

Sau khi biết có 04 người lao động đi biển (03 người từ V, 01 người từ Ng), T liên lạc với một chủ tàu cá tại Thành phố Vũng Tàu đang neo đậu tại Thành phố Đà Nẵng (không nhớ số hiệu, tên thuyền trưởng của tàu) hỏi cần thuyền viên đi biển không và chủ tàu này đồng ý nhận lao động đi biển tại cảng cá Thọ Quang, Thành phố Đà Nẵng. Chiều ngày 13.11.2017, tại quán cà phê 333- đường Bạch Đằng, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, T hẹn V và Ng đưa người tới, tại đây V giao cho T 03 người là T, C, T, Ng giao cho T 01 người là Thà. Sau đó T bắt taxi đưa 04 người (T, C, T, Thà) ra bến xe Vũng Tàu, tại đây T mua 05 vé xe khách giường nằm (không nhớ nhà xe) tuyến Vũng Tàu - Đà Nẵng, T cùng 04 người trên đi ra Thành phố Đà Nẵng. Đến trưa ngày 14.11.2017, khi ra đến Thành phố Đà Nẵng, T gọi cho thuyền trưởng tàu đã hẹn trước nhưng thuyền trưởng này nói do đợi lâu quá nên đã ra khơi và giới thiệu cho T số điện thoại anh Trần Thế T (SN: 1986, trú Ấp Tân Điền, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đ, tỉnh An Giang) - thuyền trưởng tàu BV- 5969TS, nói có thể anh Tâ đang cần người lao động đi biển. T điện thoại cho Tâ, nói hiện có 04 lao động biển cần thuyền để đi làm và mình là người đại diện cho 04 lao động, sẽ thay mặt 04 người nhận số tiền ứng trước của mỗi người là 15.000.000đ/một người như thông lệ của nghề cá tại Thành phố Vũng Tàu, Tâ nói với T là đợi để xin ý kiến chủ tàu. Sau đó Tâ liên lạc với Nguyễn Văn S (SN: 1968, trú 53 Ngõ Đức K, phường 7, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) – là người quản lý tàu, nói hiện có 5 thuyền viên trên tàu tự ý bỏ việc, hiện có một người tên T ở Thành phố Vũng Tàu, giới thiệu 04 lao động biển, xin ý kiến được tiếp nhận. Sau đó ông S báo với chủ tàu Huỳnh Thị Á (SN: 1948, trú 204 Nguyễn An N, Thà phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), Bà Á đồng ý tiếp nhận và trả số tiền được ứng trước cho người đại diện tại Thành phố Vũng Tàu, ông S thông báo lại cho Tâ biết ý kiến bà Á, Tâ gọi cho T đồng ý nhận 04 người tại cảng cá Thọ Quang, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng. T bắt taxi đưa 04 người trên xuống bến cá Thọ Quang gặp Tâ. Tại đây, T giao cho Tâ 04 tờ giấy lý lịch thuyền viên được viết sẵn, có dán ảnh và chữ ký, điểm chỉ của 04 lao động trên. Tâ nhận 04 lao động trên và nói với T về thành phố Vũng Tàu đưa 04 tờ giấy lý lịch thuyền viên cho bà Á để nhận tiền. Sau đó T ra bến xe về lại Thành phố Vũng Tàu, còn T, C, T, Thà theo Tâ lên tàu BV5969 TS làm việc. T về Thành phố Vũng Tàu đến gặp bà Á, giới thiệu mình là người đại diện cho 04 lao động và giao 04 tờ giấy lý lịch thuyền viên. Do tin tưởng T là người đại diện của 04 lao động, bà Á đã giao cho T số tiền được ứng trước của 04 lao động là 60.000.000đ và cho thêm T 2.500.000đ tiền chi phí vé xe đưa lao động từ Thành phố Vũng Tàu ra Đà Nẵng. Sau khi nhận tiền 60.000.000đ, T đưa cho V 36.000.000đ và đưa cho Ng 12.000.000đ, còn lại 12.000.000đ T tiêu xài hết. V nhận 36.000.000đ từ T sau đó đưa cho H 12.000.000đ còn 24.000.000 V tiêu xài hết. Ng nhận 12.000.000đ từ T sau đó đưa hết cho H, không giữ lại đồng nào.

Sau khi lao động trên biển được khoảng gần 01 tháng, thì Tả có nói cho T, C, T, Thà biết T đã nhận số tiền chủ tàu cho mỗi người ứng trước 15.000.000đ trước khi lên tàu. Biết mình bị lừa nên vào lúc 20h00 ngày 16.12.2017, T, T, Thà, C đến Đồn Biên phòng Sơn Trà trình báo nội dung sự việc.

Tang vật tạm giữ:

- Đơn xin đi biển của S T, Nguyễn Văn Huy T, Phạm Văn C.
- Lý lịch thuyền viên S T, Nguyễn Văn Huy T, Phạm Văn C, Lê Hữu T.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu BUK, màu đen, số Imei: 980028001558423 có gắn một thẻ sim số thuê bao 0982627131 của TRẦN VĂN V.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 371421986 mang tên TRẦN VĂN V do công an Thà phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15.05. 2007.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei: 358268109/603013/6 có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0984540520 của NGUYỄN NGỌC T.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 024230184 mang tên NGUYỄN NGỌC T do công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09.10.2007.

- Số tiền: 38.000.000đ (Trong đó: V: 14.000.000đ, H: 12.000.000đ, T: 3.000.000đ, ông Nguyễn Ngọc Đ - cha ruột T : 9.000.000đ).

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 05 tháng 04 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a, e, Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đà Nẵng và đề nghị tuyên bố các bị cáo TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 của BLHS năm 1999 và đề nghị: Áp dụng: Điểm a, e khoản 2 Điều 139 Bộ Luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. *Xử phạt:* TRẦN VĂN V từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Áp dụng: Điểm a, e khoản 2 Điều 139 Bộ Luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. *Xử phạt:* Trần Ngọc T từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù. Trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 21/12/2017 đến ngày 13/12/2018 của các bị cáo V, T. Buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt còn lại.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

*** Lưu hồ sơ:**

- 01 Đơn xin đi biển của S T, Nguyễn Văn Huy T, Phạm Văn C.
- 01 Lý lịch thuyền viên S T, Nguyễn Văn Huy T, Phạm Văn C, Lê Hữu T.

***Sung công quỹ nhà nước:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu BUK, màu đen, số Imei: 980028001558423 của TRẦN VĂN V.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei: 358268109160301316 của NGUYỄN NGỌC T.

* Tiêu hủy:

- 02 sim điện thoại: 0982627131; 0984540520

*Trả lại:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 371421986 mang tên TRẦN VĂN V do công an Thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15.05. 2007, cho bị cáo TRẦN VĂN V.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 024230184 mang tên NGUYỄN NGỌC T do công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09.10.2007, cho bị cáo NGUYỄN NGỌC T.

- Trả số tiền: 38.000.000đ (Trong đó: V: 14.000.000đ, H: 12.000.000đ, T: 3.000.000đ, ông Nguyễn Ngọc Đ - cha ruột T : 9.000.000đ) cho Bà Huỳnh Thị A. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại chi cục Thi hành án dân sự quận S Trà Thà phố Đà Nẵng.

2.Về phần dân sự: Ngày 03 tháng 5 năm 2019 Bà Huỳnh Thị A đã nhận 10.000.000 đồng từ bị cáo TRẦN VĂN V số tiền còn lại bà A không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn Huy T và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho ông S T. Chia phần cho mỗi bị cáo là 7.500.000đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên. Đồng thời các bị cáo TRẦN VĂN V và NGUYỄN NGỌC T đồng ý và tự nguyện bồi thường số tiền tổn thất tinh thần cho ông Nguyễn Văn Huy T số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và cho ông S T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến của họ

Lời nói sau cùng của các bị cáo: bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát Thành phố Đà Nẵng, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ

luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo NGUYỄN NGỌC T, TRẦN VĂN V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, xét lời khai của bị cáo phù với lời khai của người bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng tháng 11.2017, với ý định chiếm đoạt số tiền chủ tàu cho mỗi lao động ứng trước khi đi biển, TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T đã có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, giả vờ làm người đại diện cho: Nguyễn Văn Huy T (SN: 1984, trú Ấp Tân T, xã Tân L, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang), Phạm Văn C (SN: 1976, trú xã Trà Ô, huyện Phú T, tỉnh Vĩnh Long), S T (SN: 1988, trú: Ấp Thị Trấn A, huyện Hòa B, tỉnh Bạc Liêu), Lê Hữu T (SN: 1987, trú An Châu, huyện Châu T, tỉnh An Giang) đang làm việc trên tàu cá BV5969 TS đến gặp Bà Huỳnh Thị A (SN: 1948, trú 204 Nguyễn An N, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) là chủ tàu cá để chiếm đoạt số tiền 60.000.000đ.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối, có tổ chức để lừa người lao động đi biển và chủ tàu để chiếm đoạt số tiền công lao động được ứng trước 60.000.000 và chia nhau tiêu xài của bị cáo TRẦN VĂN V và NGUYỄN NGỌC T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999.

Như vậy cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 25/4/2019 của VKSND Thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo TRẦN VĂN V và NGUYỄN NGỌC T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi, tính chất mức độ phạm tội và nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của từng bị cáo thì thấy:

Nhằm thỏa mãn mục đích cá nhân bằng tiền lao động của người khác, biết được lao động đi làm nghề biển tại Thành phố Vũng Tàu rất khan hiếm, mỗi lao động khi xuống tàu làm việc được chủ tàu cho ứng trước 15.000.000 đồng, tương ứng với khoảng 2,5 – 3 tháng đi lao động trên biển nên TRẦN VĂN V và NGUYỄN NGỌC T nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền nêu trên. V và T có sự phân công vai trò cụ thể rõ ràng. V là người khởi xướng, chủ mưu cầm đầu, vừa là người thực thực hiện hành vi lừa đảo, T là người thực hiện trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cả 2 đều thống nhất phân công nhiệm vụ là V kiếm người lao động đi biển, T kiếm tàu có nhu cầu tuyển dụng lao động. Mục đích của cả T và V đều là chiếm đoạt số tiền công lao động ứng trước từ chủ tàu. Cụ thể, mỗi người lao động lên thuyền sẽ được chủ tàu cho ứng trước 15.000.000 đồng, theo thỏa thuận T được chia 3.000.000 đồng trên mỗi lao động, V lấy 12.000.000 đồng trên mỗi lao động. Để thực hiện hành vi phạm tội, V và T có thủ đoạn dụ dỗ những người lao động từ các vùng quê nghèo miền Tây Nam Bộ đồng ý đi biển, không cho họ biết số tiền ứng trước từ chủ tàu, đồng thời lừa gạt chủ tàu cụ thể là

bà Á tin tưởng rằng T là người đại diện cho các lao động để bà Á đưa số toàn bộ số tiền công lao động ứng trước cho T sau đó V và T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền nêu trên chia nhau tiêu xài. Vì vậy hành vi phạm tội của V và T phải chịu các tình tiết định khung phạm tội có tổ chức, chiếm đoạt số tiền từ 50.000.000 trở lên theo quy định tại điểm a, e, khoản 2, điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi táo bạo, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương, gây bất bình, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa bị các cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay để áp dụng một hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra là cần thiết nhằm để cải tạo giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng là để răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T chưa có tiền án, tiền sự, có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả cho người bị hại, tự nguyện bồi thường 36.000.000đồng cho bà Á. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho 2 bị cáo. Hoàn cảnh 2 gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

*Lưu hồ sơ:

- 01 Đơn xin đi biển của S T, Nguyễn Văn Huy T, Phạm Văn C.
- 01 Lý lịch thuyền viên S T, Nguyễn Văn Huy T, Phạm Văn C, Lê Hữu T.

*Sung công quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu BUK, màu đen, số Imei: của TRẦN VĂN V.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei: 358268109160301316 của NGUYỄN NGỌC T.

*Tiêu hủy:

- 02 sim điện thoại: 0982627131; 0984540520

*Trả lại:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 371421986 mang tên TRẦN VĂN V do công an Thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15.05. 2007, cho bị cáo TRẦN VĂN V.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 024230184 mang tên NGUYỄN NGỌC T do công an Thà phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09.10.2007, cho bị cáo NGUYỄN NGỌC T.

- Trả số tiền: 38.000.000đ (Trong đó: V: 14.000.000đ, H: 12.000.000đ, T: 3.000.000đ, ông Nguyễn Ngọc Đ - cha ruột T : 9.000.000đ) cho Bà Huỳnh Thị A. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại chi cù Thi hành án dân sự quận Sơn Trà Thành phố Đà Nẵng.

[6] Về phần dân sự: Áp dụng điều 584 Bộ Luật Dân sự năm 2015 buộc các bị cáo TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T liên đới bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông Nguyễn Văn Huy T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho ông S T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tổng số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) được chia phần như sau: TRẦN VĂN V phải bồi thường 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), NGUYỄN NGỌC T 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị A không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

- Đối với đối tượng tên H hiện nay chưa rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan CSĐT – Công an Thành phố tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với **Nguyễn Thu V** có hành vi chở Nguyễn Văn Huy T về nhà và đưa tiền cho T nhưng V không biết hành vi lừa đảo của TRẦN VĂN V nên Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Đà Nẵng không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

- Đối với **Phạm Thị Kim N** có hành vi giúp Nguyễn Văn H dẫn Lê Hữu T ra giao cho NGUYỄN NGỌC T và nhận 12.000.000đ từ T nhưng không biết hành vi lừa đảo của T, giữa T, H và Ng không có bàn bạc, thỏa thuận gì, Ng sau khi nhận số tiền 12.000.000đ đã đưa hết cho H, nên Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Đà Nẵng không đề cập hình thức xử lý là phù hợp.

- Đối với **Nguyễn Văn H**: có hành vi nhờ Phạm Thị Kim N giao Lê Hữu T cho T và Nhận 12.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định H thông qua Phạm Thị Kim N biết T đang tìm người lao động đi biển, nên đã nhờ Ng đưa giùm Thà đến giao cho T để kiếm hoa hồng. Giữa H và T không có bàn bạc thỏa thuận gì. H khai đã thỏa thuận với Thà là giữ số tiền lao động được ứng trước của Thà, sau khi Thà hoàn Thà chuyển biển về, sẽ tính toán chi phí, hoa hồng môi giới rồi giao lại tiền dư cho Thà. Hiện nay, Thà không có mặt tại địa phương, với chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở khẳng định H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với **Đỗ Thị Kim H** - là giám đốc T T môi giới việc làm Kim H, thực hiện việc môi giới lao động Lê Hữu T cho Nguyễn Văn H theo yêu cầu của H. Việc môi giới của H có sự đồng ý của anh Thà. Với chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở khẳng định H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với **Nguyễn Thị Thuý H**: có hành vi giao S T cho V và nhận 12.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định H vô tình biết được V đang tìm tàu để đưa lao động đi biển, nên đã nhờ V đưa giùm S T đi biển để kiếm H hồng, giữa V và H không có bàn bạc, thỏa thuận gì. H khai: đã thỏa thuận với S T biết về việc số tiền lao động được ứng trước, và H sẽ giữ lại số tiền này, đợi S T hoàn Thà chuyển biển về tính toán chi phí, hoa hồng môi giới rồi giao lại tiền dư ra cho S T. Tuy nhiên S T lại khai không có bất cứ thỏa thuận gì với H. Hiện nay, H bỏ đi khỏi địa phương, với chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án chưa đủ cơ sở khẳng định H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Đà Nẵng tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự 375.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng: Điều a, e khoản 2 Điều 139 Bộ Luật hình sự năm 1999; điểm b, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: TRẦN VĂN V 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo V đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 21 tháng 12 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2018 là 11 tháng 22 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt còn lại là 18 tháng 08 ngày, tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng: Điều a, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Trần Ngọc T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo T đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 21 tháng 12 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2018 là 11 tháng 22 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt còn lại là 12 tháng 08 ngày, tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về phần dân sự: Ngày 03 tháng 5 năm 2019 Bà Huỳnh Thị A đã nhận 10.000.000 đồng từ bị cáo TRẦN VĂN V, số tiền còn lại bà A không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Áp dụng điều 584 Bộ Luật Dân sự năm 2015 buộc các bị cáo TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T liên đới bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông Nguyễn Văn Huy T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho ông S T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tổng số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) được chia phần như sau: TRẦN VĂN V phải bồi thường 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), NGUYỄN NGỌC T 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

* Lưu hồ sơ:

- 01 Đơn xin đi biển của S T, Nguyễn Văn Huy T, Phạm Văn C.
- 01 Lý lịch thuyền viên S T, Nguyễn Văn Huy T, Phạm Văn C, Lê Hữu T.

*Sung công quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu BUK, màu đen, số Imei: 980028001558423 có gắn một thẻ sim số thuê bao 0982627131 của TRẦN VĂN V.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh, số Imei: 358268109160301316 có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0984540520 của NGUYỄN NGỌC T.

* Tiêu hủy:

- 02 sim điện thoại: 0982627131; 0984540520.

*Trả lại:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 371421986 mang tên TRẦN VĂN V do công an Thà phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15.05. 2007, cho bị cáo TRẦN VĂN V.

- 01 Giấy chứng minh nhân dân số 024230184 mang tên NGUYỄN NGỌC T do công an Thà phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09.10.2007, cho bị cáo NGUYỄN NGỌC T.

- Trả số tiền: 38.000.000đ (Trong đó: V: 14.000.000đ, H: 12.000.000đ, T: 3.000.000đ, ông Nguyễn Ngọc Đ - cha ruột T : 9.000.000đ) cho Bà Huỳnh Thị A. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại chi cụ Thi hành án dân sự quận S Trà Thà phố Đà Nẵng.

3. Án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo TRẦN VĂN V, NGUYỄN NGỌC T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự 375.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 31/05/2019. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Những người tham gia tố tụng;
- Công an quận Sơn Trà;
- VKSND quận Sơn Trà, TPĐN;
- Lưu HSVA

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

